

Bản án số: 747/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hiếu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài A, Sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn xxx, xã yyy, huyện zzz, tỉnh Hà Nam

Tạm trú: Nhà không số, tổ 9 Ấp 2, xã XTT, huyện H, TP. HCM.

Bị đơn: Ông Vũ Văn H, Sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xxx, xã yyy, huyện zzz, tỉnh Hà Nam

Tạm trú: Nhà không số, tổ 9 Ấp 2, xã XTT, huyện H, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/02/2020, Bản tự khai ngày 04/5/2020, Các Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/5/2020, ngày 18/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày:

Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, năm 2009 bà A, ông H tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AA, huyện BB, tỉnh CC theo quy định. Sau khi xây dựng gia đình xong vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà không số, tổ 9 Ấp 2, xã XTT, huyện H, TP.HCM. Đến tháng 11 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do ông H ngoại tình không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện tại hai bên vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Ban ngày bà A đi làm thì ông H ở nhà, ban đêm thì ông H đi với người phụ nữ khác. Có thời gian ông H chuyển qua nhà người phụ nữ đó chung sống như vợ chồng. Bà A khuyên can ông H quay về với vợ con nhưng ông H thách thức và yêu cầu bà A ly hôn hoặc muốn làm gì thì làm. Không quan tâm đến tâm tư, tình cảm cũng như bức xúc của bà A. Nhận thấy tình cảm bị tổn thương nặng nề, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: có 02 con chung tên: Vũ Nguyễn Bảo T sinh ngày 27/11/2011 và Vũ Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/10/2017. Sau ly hôn bà A yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Vũ Văn H vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Vũ Văn H, quan hệ tranh chấp giữa bà A và ông H là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Vũ Văn H có hộ khẩu cư trú Nhà không số, tổ 9 Ấp 2, xã XTT, huyện H, TP. HCM nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã AA, huyện BB, tỉnh CC ngày 24/11/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 08, Điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà A yêu cầu ly hôn với ông H nên Tòa án nhân dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà A vẫn cương quyết xin ly hôn với ông H do ông H không chung thủy, có tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc vợ con, đời sống hôn nhân không được hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, bà A xác nhận không còn tin tưởng và không thể tha thứ cho ông H vì đã làm tổn thương tình cảm của bà sâu sắc làm cho tình yêu thương vợ chồng còn. Vợ chồng không thể hàn gắn cảm để đoàn tụ gia đình. Mặc dù bà A đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả, ông H vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi mà ngày càng có xu hướng không tôn trọng vợ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông H theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà A và ông H có 02 con chung tên Vũ Nguyễn Bảo T sinh ngày 27/11/2011 và Vũ Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/10/2017. Sau ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của trẻ T theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại bản tự khai ngày 04/5/2020 của trẻ T có sự chứng kiến của bà A,

trẻ T có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà A có thu nhập ổn định, đủ điều kiện tiếp tục nuôi dưỡng con chung và hiện tại cả hai trẻ T, C đang sống cùng mẹ nên việc giao cả hai trẻ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện nay và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội Đồng xét xử quyết định giao cả hai trẻ T, C cho bà A nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi có đơn yêu cầu của bà A.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn là ông Vũ Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông H không quan tâm giải quyết mâu thuẫn với bà A và không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về ý kiến của VKSND huyện H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài A chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A: Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1986 được ly hôn với ông Vũ Văn H, sinh năm 1983.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Nguyễn Bảo T sinh ngày 27/11/2011 và Vũ Nguyễn Bảo C, sinh ngày 10/10/2017. Giao cả hai trẻ T, C cho bà A nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi có đơn yêu cầu của bà A.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị Hoài A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0077788 ngày 24/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà A đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã AA, huyện BB, tỉnh CC;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc